**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MANG THÍT**
TỈNH VĨNH LONG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99 /2019/ HNGĐ-ST.
Ngày: 14 – 11 – 2019 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Công Hảo

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đinh Cường

2. Ông Dương Sinh Huy

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít* : Không tham dự phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 177/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019; Về việc: *" Xin ly hôn , nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn*: Anh Thạch S, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:**

Nguyên vào năm 2003 chị C, anh S được cha, mẹ hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sống chung từ đó cho đến nay có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 04/4/2004.

Sau khi cưới nhau vợ, chồng sống chung tại ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2010 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn và kéo dài cho đến nay đã ly thân không đoàn tựu lại, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh S có hành vi bạo lực gia đình. Nay chị C cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Thạch S.

Về con chung: Cháu Thạch Phi T, sinh ngày 10/7/2004 có nguyện vọng sống chung với chị Phạm Thị C nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Thạch S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Thạch S trình bày:** Anh Thạch S thừa nhận lời trình bày của chị C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng. Vợ, chồng có mâu thuẩn có thường xuyên cãi nhau, có 02 lần dùng tay đánh vợ nhưng anh S không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh S đồng ý giao cháu Toàn cho chị Phạm Thị C nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Con chung cháu Thạch Phi T trình bày:** Cháu Thạch Phi T là con chung anh Thạch S và chị Phạm Thị C, khi cha, mẹ cháu Toàn ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ Phạm Thị C.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Phạm Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Thạch S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1 ] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng anh Thạch S vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[ 2] Về nội dung:

[ 2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004 chị C, anh S kết hôn theo phong tục tập quán, sau khi đám cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẩn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng đã xãy ra mâu thuẩn, có sử dụng hành vi bạo lực gia đình, hiện nay đã ly thân, là có thật việc này chị C, anh S đều thừa nhận. Nên cho chị C, anh S ly hôn  là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[ 2.2] Về con chung: Cháu Thạch Phi T, sinh ngày 10/7/2004 có nguyện vọng sống chung với chị Phạm Thị C nên giao chị C được nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh Thạch S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[ 2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[ 3 ] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228, 235 và Điều 266  Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326 / 2016 / UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Phạm Thị C được ly hôn với bị đơn Thạch S.

2. Về con chung: Giao con chung Thạch Phi T, sinh ngày 10/7/2004 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh Thạch S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị C nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số $N^0$0007075, ngày 11/6/2019 nên chị C không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã N;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Huỳnh Công Hảo**